TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 138**/2020/DS-ST
Ngày 25/12/2020
V/v tranh chấp:*"Chia di sản thừa kế"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

2. Ông Lê Quốc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án

- Đại diệnViện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2018/TLST-DS ngày 12/4/2018, về việc: *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa:

1.1. Nguyên đơn:

1.1.1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1966 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 49 (trước tổ 35), khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG

Nơi ở hiện nay: tổ 2, khóm AT, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG.

1.1.2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: khóm ĐT 7, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG.

Nơi ở hiện nay: ấp TP 2, xã VP, huyện TS, tỉnh AG.

1.1.3. Bà Trần Thị H, sinh năm 1960 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: khóm TA A, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG.

1.1.4. Ông Trần Văn S, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: khóm TA, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG.

Nơi ở hiện nay: Tổ 49 (trước tổ 35), khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG

1.1.5. Bà Trần Thị Diễm Th, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 49 (trước tổ 35), khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị D, bà Trần Thị H, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Diễm Th: Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1958. Địa chỉ: khóm ĐT2, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 15/12/2020 được Văn phòng Công chứng Huỳnh Minh Hoàng công chứng số 1130, quyển 02TP/CC-SCC/HĐGD. (Có mặt)

1.2. Bị đơn:

1.2.1. Ông Trần Hữu Ph, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 49 (trước tổ 35), khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Hữu Ph: Ông Ngô Nam T, sinh năm 1953. Địa chỉ: khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG đại diện theo giấy ủy quyền ngày 28/10/2020 được Văn phòng Công Hoàng Gia công chứng với số công chứng 3008, quyển số 06 TP/CC-HĐGD. (Có mặt)

1.2.2. Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 49 (trước tổ 35), khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1 Ông Trần Nghĩa H, sinh năm 1945 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp HP3, thị trấn Ch, huyện CT, tỉnh AG.

1.3.2 Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1965 (Có mặt)

1.3.3 Bà Trần Thị Kim L1, sinh năm 1986 (Có mặt)

1.3.4 Anh Trần Hữu Th, sinh năm 1995 (Có mặt)

1.3.5 Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

+ Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr: Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1958. Địa chỉ: khóm ĐT2, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 15/12/2020 được Văn phòng Công chứng Huỳnh Minh Hoàng công chứng số 1130, quyển 02TP/CC-SCC/HĐGD. (Có mặt)

1.3.6 Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1991 (Có mặt)

Cùng cư ngụ địa chỉ: Tổ 49 (trước tổ 35), khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Phần trình bày của ông Nguyễn Trọng B là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T bà Trần Thị D, bà Trần Thị H, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Diễm Th trình bày:* Cha mẹ của các ông bà Trần Văn T, Trần Thị D, Trần Thị H, Trần Văn S, Trần Thị Diễm Th là ông Trần Văn Đ và bà Phùng Thị M. Mẹ của các ông bà mất ngày 07/9/2014, có trích lục khai tử số 19/TLKT-BS ngày 23/01/21018 do Ủy ban nhân dân phường MP cấp. Cha các ông bà mất ngày 04/3/2017, có trích lục khai tử số 18/TLKT-BS ngày 23/01/21018 do Ủy ban nhân dân phường MP cấp. Sinh thời, cha mẹ các ông bà có tạo lập nhà và đất diện tích 295,4 m^2, thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại tổ 35, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG. Phần đất này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh AG cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00501 QSDĐ/AC ngày 14/5/1999 cho ông Trần Văn Đ.

Sau khi cha mẹ các ông bà qua đời, các ông bà yêu cầu anh chị em trong gia đình phân chia thừa kế đối với nhà đất nêu trên nhưng ông Trần Hữu Ph, ông Trần Nghĩa H, bà Trần Thị Ch không đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ, bà M hiện còn sống có 08 người con chung là: Ông Trần Nghĩa H, bà Trần Thị D, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ch, ông Trần Hữu Ph, ông Trần Văn S, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Diễm Th. Hiện tại, ông Ph, bà Th, bà Ch và ông S cùng sống chung trên ngôi nhà do cha mẹ các ông bà để lại.

+ Các ông bà Trần Văn T, Trần Thị D, Trần Thị H, Trần Văn S, Trần Thị Diễm Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia di sản là nhà, đất diện tích 295,4 m^2, thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại tổ 35, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG (Nay là tổ 49, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG) của ông Trần Văn Đ, bà Phùng Thị M chết để lại có giá trị theo Chứng thư thẩm định giá số 248 BĐS/2020/CT.ĐA ngày 07/7/2020 của Công ty CP Thẩm định giá Đông Á, giá tổng cộng nhà đất là 11.189.307.000 đồng (*Mười một tỷ một trăm tám mươi chín triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng*), trị giá mỗi kỷ phần tương đương là 1.398.663.375 đồng/người. Các ông bà 5 người được hưởng 5/8 kỷ phần tức tương đương 6.993.316.875 đồng. Các ông bà Trần Văn T, Trần Thị D, Trần Thị H, Trần Văn S, Trần Thị Diễm Th xin được ưu tiên nhận nhà và đất diện tích 295,4 m^2 và xin thối lại cho ba người là ông Trần Hữu Ph, ông Trần Nghĩa H, bà Trần Thị Ch mỗi người giá trị 1/8 diện tích nhà đất nêu trên với số tiền cụ thể các ông bà thanh toán cho từng người là 1.398.663.375 đồng/người (tương đương một kỷ phần).

Về phần di chúc từ lúc ba mẹ các ông bà còn sống cho đến cuối đời, ông bà không nghe và không nhìn thấy ba mẹ các ông bà nhắc đến di chúc cho đến nay. Đối với việc nâng cấp mặt tiền phía trước nhà là do ba mẹ của các ông bà bỏ tiền ra để đôn nền lên, ông Trần Hữu Ph không có bỏ tiền ra để tu bổ.

- *Phần trình bày của ông Trần Hữu Ph, bà Trần Thị Ch:* Cha mẹ ông bà L1à ông Trần Văn Đ và bà Phùng Thị M có tất cả 08 người con: Trần Nghĩa H, sinh

năm 1945; Trần Thị D, sinh năm 1958; Trần Thị H, sinh năm 1960; Trần Thị Ch, sinh năm 1962; Trần Hữu Ph, sinh năm 1964; Trần Văn S, sinh năm 1966; Trần Văn T, sinh năm 1966; Trần Thị Diễm Th, sinh năm 1975

+ Vào ngày 08/01/2003, cha mẹ ông, bà có lập Tờ di chúc có sự chứng thực của Ủy ban nhân dân phường MP, số chứng thực 01 quyển số 01 số 01 TP/CC-SCT/DCTC. Với nội dung tờ di chúc: Cha mẹ cho 5 người con mỗi người 20 triệu đồng gồm: ông H, bà D, bà H, ông S, ông T. Riêng ông H không nhận số tiền 20 triệu đồng. Về phần đất thổ cư 295.4 m^2, cha mẹ ông chia ra làm hai phần:

+ Phía trước là mặt tiền nhà 81m^2 (ngang 9m, dài 9m), cha mẹ cho ông được quyền sử dụng nhà, đất thổ cư để sản xuất.

+ Phía sau là nhà ở gồm 214.4m^2 cha mẹ ông cho ba đứa con được ở chung gia đình gồm: bà Ch, bà Th và ông. Đồng thời, ông có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ đến cuối đời, lo mồ mã, ma chay và thờ cúng ông bà cha mẹ. Cho ông là Trần Hữu Ph và vợ được thừa hưởng nhà ở và đất thổ cư.

- Đối với Tờ di chúc được lập thành 02 bản chính gồm 01 bản chính được bà Th giữ, bản chính còn lại được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường MP. Sau khi cha ông bà mất ngày 04/3/2017 đến ngày 17/12/2017, ông Ph có yêu cầu bà Th về việc đưa lại Tờ di chúc mà bà Th đang giữ để sang tên giấy đất và đóng thuế nhưng bà Th vẫn không đưa tờ di chúc lại cho ông Ph. Riêng, bà Ch có nhìn thấy được bản chính của tờ di chúc do bà Th đi công tác về soạn giấy tờ có đưa bản chính tờ di chúc cho bà Ch giữ nhưng sau đó bà Th đã đòi lấy lại, bản chụp của tờ di chúc có là các cháu trong nhà chụp lại được và còn lưu trong điện thoại.

- Từ nhỏ ông Ph luôn ở cùng với cha mẹ, đến khi lớn lên đi làm ông đã góp phần công sức và chăm lo cho gia đình. Đến năm 1999, cha mẹ ông Ph không còn lao động nữa, ông và vợ luôn ở bên cạnh chăm lo cho cha mẹ những lúc ốm đau đến những giây phút sau cùng. Còn 04 người (ông H, bà D, bà H, ông T) đã có gia đình ra riêng từ lâu. Đồng thời, cha mẹ cũng muốn ông giữ nhà lo thời cúng ông bà, vì vậy kiện ông Ph có ý chiếm đoạt tài sản nhà và đất đều không có tình, không có lý. Trong tờ di chúc đã ghi rõ tại điều IV: *"Năm đứa con: Hiệp, Diệu, Huệ, Sang, Trọng không có quyền tranh chấp nhà và đất thổ cư"*.

- Trong quá trình chung sống cùng với ba mẹ là ông Đ và bà M thì ông Ph có đóng góp công sự tôn tạo đối với nhà và đất đang ở như nâng nền, sửa nhà và đóng tiền thuế nhà đất. Từ năm 1988, đến nay chi phí điện, nước sinh hoạt trong gia đình đều do ông Ph đóng thời gian đã quá lâu nên không thể nào kê chi phí ra hết được.

- Ông Ph và bà Ch xác định ông bà không có yêu cầu phản tố trong vụ án này và do cha mẹ các ông bà có di chúc để lại nên đề nghị giải quyết theo nội dung di chúc mà cha và mẹ ông bà đã lập được chứng thực số 01 Quyển số 01/TP/CC-SCT/DCTC ngày 08/01/2003 của Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố LX, tỉnh AG.

** Phần trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L, bà Trần Thị Kim L1iên, anh Trần Hữu Th, chị Trần Thị Mỹ H:* Các ông bà L1à những người sống cùng với gia đình của ông Trần Hữu Ph, bà Trần Thị Ch do

nhà và đất là của cha mẹ ông bà để lại và các ông bà sinh sống tại đây từ trước đến nay nên ông bà cha mẹ đã có di chúc nên thực hiện theo di chúc không đồng ý chia di sản theo yêu cầu của các nguyên đơn. Các ông bà xác định sống trong gia đình thì các ông bà không có đóng góp để tôn tạo sửa chữa đối với tài sản của ông Đ, bà M để lại nên các ông bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án cũng như yêu cầu chia di sản do để nhà đất lại như hiện trạng để làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ.

** Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nghĩa H:* Ông luôn kính trọng cha mẹ, khi lập di chúc cha mẹ ông có đầy đủ năng lực, hành vi và sức khỏe tốt nên ông và tất cả các em của ông đều thống nhất theo những điều khoản ghi trong di chúc mà cha và mẹ ông đã lập được chứng thực số 01 Quyển số 01/TP/CC-SCT/DCTC ngày 08/01/2003 của Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố LX, tỉnh AG

- Di sản của cha mẹ ông hiện nay còn lại bao gồm nhà và đất là công sức, mồ hôi của cha mẹ ông tạo ra. Do đó, ông có đề nghị với tất cả các em ông nên để lại phần di sản này để làm phủ thờ ông bà và cha mẹ ông. Đồng thời, là nơi để bốn em ông cùng vợ con chung sống khi chưa tạo lập được căn nhà riêng để ở (gồm có: Trần Thị Ch, sinh năm 1962, Trần Hữu Ph, sinh năm 1964, Trần Văn S, sinh năm 1966 và Trần Thị Diễm Th, sinh năm 1975). Ông không có ý định chiếm đoạt làm tài sản riêng, một điều quan trọng đây là nơi để tất cả gia đình của anh em ông họp mặt mỗi khi có ngày giỗ ông bà, cha mẹ và ngày Tết. Tờ di chúc do cha mẹ ông để lại bản chính do Trần Thị Diễm Th đang giữ.

** Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr do ông Nguyễn Trọng B là người đại diện theo ủy quyền thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn nên không có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Trọng B là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế; Ông Ngô Nam T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Hữu Ph, bị đơn bà Trần Thị Ch không có yêu cầu phản tố nhưng các ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu thực hiện theo nội dung của di chúc do ông Trần Văn Đ, bà Phùng Thị M. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật theo 08 phần như yêu cầu của nguyên đơn. Di sản thừa kế của ông Đ, bà M sẽ được chia thừa kế theo di chúc như sau:

- 05 người gồm ông H, bà D, bà H, ông S, ông T mỗi người được hưởng 20.000.000 đồng

- Nhà và đất:

+ Nhà số 2 (nhà mặt tiền theo nội dung di chúc) có hiện trạng thực tế diện tích đất 84,2 m^2 giao cho ông Ph thừa hưởng.

+ Nhà số 01 (nhà phía sau theo nội dung di chúc) có hiện trạng thực tế diện tích đất còn lại 207,1 m^2 chia theo di chúc cho 03 người là ông Ph, bà Ch và bà Th.

- Giao nhà và đất theo di sản thừa kế cho ông Ph, bà Ch quản lý sử dụng; Ông Ph, bà Ch có nghĩa vụ hoàn trả giá trị di sản thừa kế cho từng người được hưởng như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Trần Thị D, bà Trần Thị H, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Diễm Th ông Trần Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr ủy quyền cho ông Nguyễn Trọng B đại diện theo giấy ủy quyền ngày 15/12/2020 được Văn phòng Công chứng Huỳnh Minh Hoàng công chứng số 1130, quyển 02TP/CC-SCC/HĐGD. Bị đơn ông Trần Hữu Ph ủy quyền cho ông Ngô Nam T đại diện theo giấy ủy quyền ngày 28/10/2020 được Văn phòng Công Hoàng Gia công chứng số 3008, quyển số 06 TP/CC-HĐGD, việc ủy quyền phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2] Về thẩm quyền:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế: Các đương sự thống nhất cha ông Trần Văn Đ mất ngày 04/3/2017 và bà Phùng Thị M mất ngày 07/9/2014, thời điểm mở thừa kế của bà M là vào năm 2014, của ông Đ là vào năm 2017 theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự

[2.2] Nguyên đơn các ông bà Trần Văn T, Trần Thị D, Trần Thị H, Trần Văn S, Trần Thị Diễm Th yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ và bà Phùng Thị M đối với tài sản là nhà và đất diện tích 295,4 m^2, thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại tổ 35, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG (Nay là tổ 49, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG). Phần đất này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh AG cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00501 QSDĐ/AC ngày 14/5/1999 cho ông Trần Văn Đ.

[2.2] Các nguyên đơn yêu cầu chia di sản là nhà, đất diện tích 295,4 m^2 của ông Trần Văn Đ, bà Phùng Thị M chết để lại không có di chúc và xác định lại yêu cầu chia di sản thừa kế theo giá của Chứng thư thẩm định giá số 248 BĐS/2020/CT.ĐA ngày 07/7/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đông Á, giá tổng cộng nhà đất là 11.189.307.000 đồng (*Mười một tỷ một trăm tám mươi chín triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng*). Các ông bà Trần Văn T, Trần Thị D, Trần Thị H, Trần Văn S, Trần Thị Diễm Th xin được ưu tiên nhận nhà và đất diện tích

295,4 m^2 và xin thối lại cho ba người là ông Trần Hữu Ph, ông Trần Nghĩa H, bà Trần Thị Ch mỗi người giá trị 1/8 diện tích nhà đất nêu trên với số tiền là 1.398.663.375 đồng/người (tương đương một kỷ phần).

[2.3] Trong quá trình giải quyết các nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện đồng ý cấn trừ diện tích chồng ranh, không yêu cầu đối với diện tích đất bị chồng ranh với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Thi Văn Ch và bà Phạm Thị Th. Đồng thời, các nguyên đơn xác định lại giá trị di sản thừa kế theo giá tại Chứng thư Thẩm định của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đông Á là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

[2.4] Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về thừa kế tài sản và tài sản các đương sự tranh chấp tọa lạc tại phường MP, thành phố LX nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Nhận thấy, đồng nguyên đơn khởi kiện cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, các đồng nguyên đơn trình bày đối với diện tích nhà đất yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế do cha mẹ các ông bà cụ thể bà Phùng Thị M mất ngày 07/9/2014, cha các ông bà L1 và ông Trần Văn Đ mất ngày 04/3/2017. Sinh thời, cha mẹ các ông bà có tạo lập tài sản là nhà, đất diện tích 295,4 m^2, thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại tổ 35, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG (Nay là tổ 49, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG), khi ông Trần Văn Đ, bà Phùng Thị M chết không có di chúc và đối với di sản yêu cầu chia theo giá tại Chứng thư thẩm định giá số 248 BĐS/2020/CT.ĐA ngày 07/7/2020 của Công ty CP Thẩm định giá Đông Á, giá tổng cộng nhà đất là 11.189.307.000 đồng (*Mười một tỷ một trăm tám mươi chín triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng*), trị giá mỗi kỷ phần tương đương là 1.398.663.375 đồng/người. Các ông bà 5 người được hưởng 5/8 kỷ phần tức tương đương 6.993.316.875 đồng. Các ông bà Trần Văn T, Trần Thị D, Trần Thị H, Trần Văn S, Trần Thị Diễm Th xin được ưu tiên nhận nhà và đất diện tích 295,4 m^2 và xin thối lại cho ba người là ông Trần Hữu Ph, ông Trần Nghĩa H, bà Trần Thị Ch mỗi người giá trị 1/8 diện tích nhà đất nêu trên với số tiền cụ thể các ông bà thanh toán cho từng người là 1.398.663.375 đồng/người (tương đương một kỷ phần).

[3.2] Bị đơn ông Trần Hữu Ph do ông Ngô Nam T là người đại diện theo ủy quyền và bà Trần Thị Ch không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các ông bà xác định tài sản cha mẹ để lại có lập tờ di chúc ngày 08/01/2003, khi lập di chúc các con đều biết và không có ý kiến nên đề nghị giải quyết theo nội dung di chúc của cha mẹ các ông bà để lại đây là nhà để thờ cúng ông bà cha mẹ từ trước đến nay và các con cháu ai khó khăn đều ở nên đối với yêu cầu của nguyên đơn chia thừa kế để lấy tài sản nhà đất và hoàn tiền cho các ông bà thì không đồng ý yêu cầu thực hiện theo nội dung của di chúc do cha mẹ để lại và định đoạt cho các con.

[3.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Nghĩa H, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Trần Thị Kim L1, anh nguyễn Hữu Th, chị Trần Thị Mỹ H có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn mặc dù không có yêu cầu độc lập nhưng các ông bà xác định tài sản do cha mẹ, ông bà mất có để lại di chúc và đối với di sản thì yêu cầu chia di sản là nhà, đất diện tích 295,4 m^2, thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại tổ 35, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG (Nay là tổ 49, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG) của ông Trần Văn Đ, bà Phùng Thị M chết để lại có di chúc, đây là di nguyện của cha mẹ ông bà nên yêu cầu giải quyết theo nội dung của di chúc ông Đ, bà M để lại.

[3.4] Hội đồng xét xử nhận thấy các đương sự có ý kiến thống nhất trình bày về nguồn gốc tài sản nhà và đất diện tích 295,4 m^2, thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại tổ 35, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG (Nay là tổ 49, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG) của ông Trần Văn Đ mất ngày 04/3/2017, bà Phùng Thị M mất ngày 07/9/2014 để lại thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại tổ 35, khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG đã được Ủy ban nhân dân tỉnh AG cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00501 QSDĐ/AC ngày 14/5/1999 cho ông Trần Văn Đ. Đồng thời, thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn Đ, bà Phùng Thị M có tất cả 08 người con không có con nuôi, con riêng, các con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ, bà M gồm có: Ông Trần Nghĩa H, bà Trần Thị D, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ch, ông Trần Hữu Ph, ông Trần Văn S, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Diễm Th.

[3.5] Các đồng nguyên đơn trình bày sau khi cha mẹ các ông bà qua đời, các nguyên đơn yêu cầu anh chị em trong gia đình phân chia thừa kế đối với nhà đất nêu trên nhưng ông Trần Hữu Ph, ông Trần Nghĩa H, bà Trần Thị Ch không đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Hiện tại, bà Trần Thị Ch, ông Trần Hữu Ph, ông Trần Văn S, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Diễm Th cùng sống chung trong ngôi nhà do cha mẹ các ông bà để lại.

[3.6] Các đương sự trong vụ án thuộc hàng thừa kế của ông Đ, bà M thống nhất đối với diện tích đất chồng ranh 2,5 m^2 với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Thi Văn Ch, bà Phạm Thị Th tại các điểm 48,49,52 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 22/8/2018 và các điểm 58,7,3,9,48 có diện tích 1,6 m^2 chồng lên ranh đất của của ông Thi Văn Ch, bà Phạm Thị Th theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 23/3/2020 các đương sự đồng ý trừ diện tích đất này ra không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Diện tích các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế nhà và đất diện tích còn lại 291,3 m^2

[3.7] Nhận thấy, Tờ di chúc do ông Đ, bà M tự nguyện lập được điểm chỉ và ký tên có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường MP chứng thực số 01, quyển 01 TP/CC-SCT/DCTC ngày 08/01/2003 của Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nguyên đơn trình bày không biết và không hề giữ đối với bản chính của di chúc, còn bị đơn trình bày tờ di chúc bản chính do

nguyên đơn là Trần Thị Diễm Th cất giữ nên các bị đơn không có được bản chính của Tờ di chúc nêu trên để bổ sung hồ sơ.

[3.8] Tòa án đã thực hiện việc yêu cầu Ủy ban nhân dân phường MP hỗ trợ cung cấp thông tin và theo công văn số 50/UB ngày 12/3/2020 của phường Mỹ Phước căn cứ vào sổ lưu thì ông Đ, bà M có đến phường để thực hiện việc lập Tờ di chúc và Ủy ban phường có chứng thực bản sao tờ di chúc của ông Đ, bà M đã khẳng định ý chí, nguyện vọng của ông Đ, bà M là có để di chúc và nội dung di chúc rõ ràng và việc ông Đ bà M thực hiện quyền tự định đoạt tài sản của mình là phù hợp với quy định tại Điều 609 của Bộ luật dân sự, về hình thức di chúc phù hợp Diều 630, Điều 634 của Bộ luật dân sự.

[3.9] Từ những cơ sở trên xác định Tờ di chúc của ông Đ, bà M là hợp pháp, qua xem xét thẩm định tại chỗ theo tinh thần nội dung của di chúc các con, cháu của ông Đ, bà M vẫn sống cùng nhau tại phần diện tích nhà đất do ông Đ, bà M tạo lập và để lại.

[4] Hiện trạng theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp thì phần nhà đất ông Đ, bà M để lại cho ông Ph diện tích 84.2 m^2 nhưng cấu trúc các căn nhà gắn liền nhau, gia đình ông Ph sống ổn định và xác định diện tích đất, căn nhà số 2 được ông Đ, bà M định đoạt cho ông Ph cùng vợ là bà Nguyễn Thị Kim L nên xác định phần nhà đất ông Ph, bà L1 đã được ông Đ, bà M định đoạt theo di chúc cho vợ chồng ông Ph, bà L1 được hưởng đối với diện tích đất 84,2 m^2 được giới hạn bởi các điểm 21,19,14,12 và tầng 2 có diện tích bằng 99,7 m^2 được giới hạn bởi các điểm 59, 60,61,62 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 22/8/2018 và ngày 23/3/2020. Trị giá tài sản nhà là 297.495.030 đồng và diện tích 84.2 m^2 đất là 3.022.864.200 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là 3.320.359.230 đồng thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 36 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00501 QSDĐ/AC ngày 14/5/1999 được Ủy ban nhân dân tỉnh AG cấp cho ông Trần Văn Đ. Ông Ph, bà L1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định.

[4.1] Đối với diện tích đất và nhà số 1 thì thực tế bà Ch cùng các con cháu của bà Ch, ông Ph sống tại đây. Sau khi khởi kiện ông T dọn về sống bên gia đình vợ, còn bà Th tự chuyển đồ để ra ngoài sinh sống. Căn nhà và diện tích đất sau khi trừ ra diện tích đất ông Đ, bà M định đoạt cho ông Ph, bà L1 thì diện tích đất 207,1 m^2 được ông Đ, bà M định đoạt tại di chúc để lại cho 03 người con là ông Trần Hữu Ph, bà Trần Thị Ch, bà Trần Thị Diễm Th sống chung trong nhà, đối với điều kiện (mục III) khi bà Ch, bà Th có gia đình ra ở riêng thì ông Ph chịu trách nhiệm hoàn lại cho bà Th, bà Ch mỗi người là 4 lượng vàng trên thực tế bà Th, bà Ch vẫn chưa có gia đình nên điều kiện chưa thỏa theo điều kiện và ý chí của di chúc.

[4.2] Tại phiên tòa, ông Ph có ý kiến sau này bà Th có khó khăn yêu cầu ông giao lại 04 lượng vàng thì bà Th gặp trực tiếp đối với ông thì ông sẽ giao cho bà Th. Hội đồng nhận thấy đây nội dung ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện của vụ án nên không xem xét trong trường hợp điều kiện tại di chúc có hiệu lực là bà Th, bà

Ch có lập gia đình, ra ngoài ở riêng có yêu cầu ông Ph giao lại số vàng 04 lượng 24k sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4.3] Di nguyện của ông Đ, bà M phía ông Ph, bà Ch và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất có ý chí mong muốn giữ căn nhà đất số 01 lại để làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ và thực hiện theo di nguyện của ông Đ, bà M theo di chúc để các con, cháu có nơi ở. Tranh chấp giữa các anh em xảy ra bà Th tự dọn ra ngoài không phải ông Ph, bà Ch yêu cầu bà Th dọn đi. Vì vậy, theo nội dung di chúc giao tài sản chung là căn nhà số 01 và diện tích đất còn lại sau khi trừ đi diện tích căn nhà số 02 của ông Ph, bà L1, giao cho 03 người ông Ph, bà Ch, bà Th trực tiếp sẽ là người quản lý, sử dụng diện tích đất và căn nhà số 1 có diện tích 207,1 m^2 tọa lạc tại tổ 49, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG được quyền quản lý, sử dụng cấu trúc nền lót gạch men, vách ván + gạch, khung gỗ, mái tole được giới hạn bởi các điểm 57, 56, 55, 54, 53, 8, 7, 3, 9 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 22/8/2018 và ngày 23/3/2020. Trị giá tài sản nhà là 284.068.120 đồng và đất là 7.435.097.100 đồng. Tổng cộng là 7.719.149.043 đồng. Ông Ph, bà Ch, bà Th có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định

[4.4] Nội dung phần I của Tờ di chúc di nguyện của ông Đ, bà M chia cho các con mỗi người còn lại H, S, Tr, D, H mỗi người nhận 20.000.000 đồng, Tòa án thực hiện đối chất các đương sự nhưng việc giao nhận tiền 20.000.000 đồng thực chất không thể hiện có giao hay chưa cũng như không chỉ định người có trách nhiệm giao số tiền 20.000.000 đồng cho các ông bà H, S, Tr, D, H. Vì vậy, đối với nội dung di chúc không nêu và các đương sự không ai yêu cầu giải quyết đối với nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ:*

Các đồng nguyên đơn phải nộp tiền chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 14.948.300 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng do các đồng nguyên đơn đã nộp theo Biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên và hóa đơn giá trị gia tăng số 0004255 ngày 05/9/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang và Phiếu thu ngày 13/7/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đông Á tại An Giang. Các nguyên đơn đã nộp đủ đối với chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

6.1. Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền 6.250.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008115 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long

Xuyên. Sau khi khấu trừ ông Trần Văn T được nhận lại số tiền 5.950.000 đồng (*Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

6.2. Ông Trần Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền 3.125.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008120 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Sau khi khấu trừ thì ông Trần Văn S được nhận lại số tiền 2.825.000 đồng (*Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

6.3. Bà Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng bà D thuộc trường hợp là người cao tuổi không phải nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định nên bà được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008118 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

6.4. Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng bà H thuộc trường hợp là người cao tuổi không phải nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định nên bà được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.125.000 đồng (*Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008119 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

6.5. Bà Trần Thị Diễm Th, ông Trần Hữu Ph, bà Trần Thị Ch cùng chịu trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm trên phần giá trị tài sản nhà đất được hưởng di sản thừa kế (trị giá 7.719.149.043 đồng) số tiền án phí là 115.719.149 đồng. Bà Th, ông Ph, bà Ch mỗi người nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền là 38.196.095 đồng (*Ba mươi tám triệu một trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi lăm đồng*). Trong đó:

6.5.1. Bà Th phải nộp số tiền là 38.196.095 đồng (*Ba mươi tám triệu một trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi lăm đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền 6.250.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008116 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Sau khi khấu trừ thì bà Th còn phải nộp tiếp 31.946.095 đồng (*Ba mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm chín mươi lăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

6.5.2. Bà Trần Thị Ch, ông Trần Hữu Ph mỗi người phải nộp số tiền là 38.196.095 đồng (*Ba mươi tám triệu một trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi lăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

6.6. Ông Trần Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Kim L cùng liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm trên phần giá trị tài sản nhà đất được hưởng di sản thừa kế (trị giá

3.320.359.230 đồng) là 98.407.185 đồng (*Chín mươi tám triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn một trăm tám mươi lăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

+ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 616, Điều 620, Điều 623, Điều 624, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 636, Điều 643, Điều 659 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, Điều 232, Điều 240, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn các ông bà Trần Văn T, Trần Thị D, Trần Thị H, Trần Văn S, Trần Thị Diễm Th

1.1. Tuyên bố di chúc do ông Trần Văn Đ, bà Phùng Thị M lập ngày 08/01/2003 có sự chứng thực của Ủy ban nhân dân phường MP, chứng thực số 01, quyển số 01 số 01 TP/CC-SCT/DCTC là hợp pháp

1.2. Xác định quyền sử dụng đất và căn nhà diện tích 295,4 m^2, thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại tổ 35, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG (Nay là tổ 49, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG) sau khi trừ đi diện tích chồng ranh còn lại 291,3 m^2 là di sản thừa kế của của ông Trần Văn Đ, bà Phùng Thị M.

1.3. Giá trị di sản thừa kế đối với di sản thừa kế là 11.189.307.000 đồng (*Mười một tỷ một trăm tám mươi chín triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng*)

1.4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn Đ, bà Phùng Thị M gồm: Ông Trần Nghĩa H, bà Trần Thị D, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ch, ông Trần Hữu Ph, ông Trần Văn S, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Diễm Th

2. Về kỷ phần thừa kế: Xác định di sản thừa kế của ông Đ, bà M được chia cho ông Trần Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Kim L được hưởng diện tích đất và căn nhà số 2 có diện tích 84,2 m^2. Phần diện tích đất và căn nhà số 1 có diện tích 207,1 m^2 tọa lạc tại tổ 49, khóm ĐT 3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG chia làm 03 phần cho ông Ph, bà Ch và bà Th, cụ thể:

2.1. Giao cho ông Trần Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Kim L được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 84,2m^2 và căn nhà số 02 trên đất theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 00501 QSDĐ/AC ngày 14/5/1999 được Ủy ban nhân dân tỉnh AG cấp cho ông Trần Văn Đ, với diện tích sử dụng tầng 1 bằng 84,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 21,19,14,12 và tầng 2 có diện tích bằng 99,7 m^2 được giới hạn bởi các điểm 59, 60,61,62 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 22/8/2018 và ngày 23/3/2020. Trị giá tài sản nhà và đất là 3.320.359.230 đồng (*Ba tỷ ba trăm hai mươi nghìn ba trăm năm mươi chín nghìn hai trăm ba mươi đồng*).

2.2. Giao cho ông Trần Hữu Ph, bà Trần Thị Ch, bà Trần Thị Diễm Th được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 207,1 m^2 và căn nhà số 1 có trên đất tọa lạc tại tổ 49, khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00501 QSDĐ/AC ngày 14/5/1999 được Ủy ban nhân dân tỉnh AG cấp cho ông Trần Văn Đ, được giới hạn bởi các điểm 57,56,55,54,53,8,7,3,9 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 22/8/2018 và ngày 23/3/2020. Trị giá tài sản nhà và đất là là 7.719.149.043 đồng (*Bảy tỷ bảy trăm mười chín triệu một trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bốn mươi ba đồng*).

3. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc điều chỉnh biến động tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản:

Các đồng nguyên đơn phải nộp tiền chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 14.948.300 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng do các đồng nguyên đơn đã nộp theo Biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên và hóa đơn giá trị gia tăng số 0004255 ngày 05/9/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang và Phiếu thu ngày 13/7/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đông Á tại An Giang. Các nguyên đơn đã nộp đủ đối với chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền 6.250.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008115 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Sau khi khấu trừ ông Trần Văn T được nhận lại số tiền 5.950.000 đồng (*Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

5.2. Ông Trần Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền 3.125.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008120 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long

Xuyên. Sau khi khấu trừ thì ông Trần Văn S được nhận lại số tiền 2.825.000 đồng (*Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

5.3. Bà Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng bà D thuộc trường hợp là người cao tuổi không phải nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định nên bà được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008118 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

5.4. Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng bà H thuộc trường hợp là người cao tuổi không phải nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định nên bà được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.125.000 đồng (*Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008119 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

5.5. Bà Trần Thị Diễm Th, ông Trần Hữu Ph, bà Trần Thị Ch cùng chịu trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 115.719.149 đồng. Cụ thể:

5.5.1. Bà Th phải nộp số tiền là 38.196.095 đồng (*Ba mươi tám triệu một trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi lăm đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền 6.250.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008116 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Sau khi khấu trừ thì bà Th còn phải nộp tiếp 31.946.095 đồng (*Ba mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm chín mươi lăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

5.5.2. Bà Trần Thị Ch, ông Trần Hữu Ph mỗi người phải nộp số tiền là 38.196.095 đồng (*Ba mươi tám triệu một trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi lăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

5.6. Ông Trần Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Kim L cùng liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm trên phần giá trị tài sản nhà đất được hưởng di sản thừa kế (trị giá 3.320.359.230 đồng) là 98.407.185 đồng (*Chín mươi tám triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn một trăm tám mươi lăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- Lưu: hồ sơ;VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Ngọc Thúy